

Đặc điểm của văn minh thời đại và sự tiếp nhận của khu vực nông thôn trong những năm đổi mới

- nhận định và kiến nghị

NGUYỄN TRẦN TRỌNG

Nền văn minh thời đại được đề cập trong bài này được hiểu như một số nền văn minh có khả năng hiện đại hóa nông thôn, kết hợp truyền thống với hiện đại (modernity). Nó có những đặc điểm như tính trí tuệ, tính quốc tế v.v... Khu vực nông thôn tiếp nhận ba yếu tố cơ bản nổi bật nhất của nó là thị trường, công nghiệp, đô thị thông qua ba quá trình là: thị trường hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa; đô thị hóa với nhiều thái độ và cách thức khác nhau. Trên cơ sở phân tích thực tiễn, bài viết này đưa ra một số nhận định và kiến nghị.

1. Nhận thức sơ lược về văn minh và những đặc điểm của nền văn minh

1.1. Nhận thức sơ lược về văn minh

Thuật ngữ văn minh được sử dụng phổ biến trong nhiều tài liệu nghiên cứu lịch sử khi người ta muốn chỉ một loại văn hóa riêng hoặc một thời kỳ văn hóa riêng đã từng tồn tại ở một thời đại nhất định, khi đã đạt đến đỉnh điểm cao. Sách giáo khoa “Cơ sở văn hóa Việt Nam” do giáo sư Trần Quốc Vượng chủ biên viết “Thực ra văn minh là trình độ phát triển nhất định của văn hóa về phương diện vật chất, đặc trưng cho một khu vực rộng lớn, một thời đại, hoặc cả nhân loại”¹.

Tìm hiểu qua một số nền văn minh chúng ta thấy khi nói đến văn minh là nói đến một thời đại, khi đó những hoạt động tích cực của con người đạt đến đỉnh điểm và những nhân tố tạo ra đỉnh điểm đó được công nhận lại chỉ phối các hành động riêng của con người văn minh, là sự sáng tạo của con người. Trên cơ sở đó, văn minh tạo ra năng lực sản xuất mới, tạo ra lối sống mới và giải phóng con người, nâng cao địa vị con người.

Văn minh thời đại trong bài này, được hiểu như một nền văn minh có khả năng hiện đại hóa khu vực nông thôn, kết hợp truyền thống với hiện đại (modernity).

Văn minh thời đại có nhiều yếu tố nhưng căn bản nhất là thị trường, công nghiệp, đô thị. Khu vực nông thôn tiếp nhận ba yếu tố văn minh này thông qua ba quá trình: thị trường hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đô thị hóa hoặc dưới tác dụng của ba nền văn minh: văn minh thị trường hay văn minh thương nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh đô thị.

1.2. Những đặc điểm của văn minh thời đại

Hiện nay chúng ta đang sống trong một thời đại vào đầu thiên niên kỷ thứ 3 với một nền văn minh khác với các nền văn minh cổ đại. Nền văn minh thời đại có những đặc điểm chủ yếu sau đây:

• **Đặc điểm thứ nhất là tính trí tuệ**, ngày càng có xu hướng vượt trội. Điều này biểu hiện ở chỗ trong các hoạt động sáng tạo vật chất và phi vật chất, hàm lượng trí tuệ chiếm một vị trí ngày càng lớn, thậm chí tuyệt đối trong sản phẩm tạo ra. Lý do của xu thế này là nền văn minh thời đại hình thành và phát triển trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học công nghệ đã chuyển sang một giai đoạn

Nguyễn Trần Trọng, GS. TS., Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

1. Sách: Cơ sở văn hóa Việt Nam. Trần Quốc Vượng (chủ biên) Nxb Giáo dục H, 2003, tr 19.

mới được gọi là Cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư, khởi đầu từ sau năm 1960. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ này dẫn dắt xã hội loài người vào nền văn minh mới. Nhiều nhà khoa học gọi nền văn minh mới này là nền văn minh hậu công nghiệp, hoặc là nền văn minh thông tin, hoặc là nền văn minh trí tuệ. Đặc trưng của nền văn minh trí tuệ là quá trình phát triển chủ yếu dựa vào trí thức khoa học và công nghệ, tức là dựa vào các nguồn lực có khả năng tái sinh và tự sinh sản. Yếu tố đầu vào của hệ thống sản xuất, hệ thống quản lý là tri thức và thông tin.

Nền văn minh mới này được nhiều người chấp nhận và hướng tới, chi phối mọi hoạt động các ngành sản xuất vật chất và phi vật chất trong xã hội cũng như từng cá nhân. Điều này đòi hỏi con người phải nỗ lực phát huy nguồn nội sinh để đón nhận và đòi hỏi ngành giáo dục phải làm hết sức mình, để đào tạo ra những người có trình độ, có năng lực đáp ứng nền văn minh mới.

• *Đặc điểm thứ hai là tính thị trường* ngày càng phổ cập khắp nơi trên thế giới. Lý do của xu hướng này là nền văn minh thời đại diễn ra trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện đại đang lôi kéo mạnh mẽ và nhanh chóng với cường độ và tốc độ chưa từng thấy tất cả các quốc gia có nền kinh tế phát triển, hoặc đang phát triển, hoặc kém phát triển và tất cả các lĩnh vực của đời sống vào quỹ đạo của thị trường toàn cầu với sức mạnh không gì chống lại được.

• *Đặc điểm thứ ba là tính quốc tế* ngày càng phổ biến rộng rãi và nhanh chóng.

Những nền văn minh cổ xưa xuất hiện ở một quốc gia nhất định và lan tỏa ra một số quốc gia lân cận với phạm vi không lớn mang tính chất khu vực hẹp và chậm chạp. Ngược lại nền văn minh thời đại lan tỏa rộng, nhanh khắp toàn cầu.

Nền văn minh thời đại đang lôi kéo cả nhân loại, tất cả quốc gia, các dân tộc tham gia vào cuộc đổi thay mang tính chất cách mạng. Đó là xu hướng quốc tế hóa, toàn cầu hóa, khu vực hóa của thập kỷ cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI.

Về mặt thời gian, bắt đầu từ năm 1960 đến nay đã đưa nền văn minh công nghiệp vốn có chuyển sang nền văn minh hậu công nghiệp, nền văn minh trí tuệ. Các nhà khoa học cho rằng chỉ sau mấy thập kỷ, nền văn minh mới sẽ thay nền văn minh cũ trên khắp thế giới.

Như vậy là tính quốc tế của nền văn minh thời đại phổ biến rộng rãi và nhanh chóng.

• *Đặc điểm thứ tư là sự bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc* được đề cao trong nền văn minh thời đại.

Trong khi nền văn minh thời đại đang thâm nhập vào các quốc gia, các dân tộc, thậm chí đến tận các gia đình theo xu hướng toàn cầu hóa ngày càng mạnh mẽ, thì một xu hướng mới đồng thời diễn ra là sự bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Công cuộc bảo vệ tồn tạo, khôi phục các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đang diễn ra hầu hết trong các nước trên thế giới, không phải tự phát mà có ý thức tự giác rõ rệt, một cách có tổ chức. Trên phạm vi thế giới có tổ chức UNESCO chuyên lo việc này. Người ta tìm kiếm sự kết hợp giữa nền văn minh hiện đại với văn hóa truyền thống của dân tộc để đảm bảo sự phát triển hài hòa và bền vững.

Nền văn minh nào ra đời cũng là chuyển tiếp kế thừa từ những nền văn minh có trước. Nền văn minh thời đại hình thành và phát triển cũng không ngoài quy luật đó.

Trong quá trình tiếp nhận nền văn minh thời đại, sự hiện diện đan xen của các nền văn minh cũng là lẽ tất nhiên. Trong quá trình sàng lọc, cái thích hợp sẽ tồn tại, cái không thích hợp thì tiêu vong. Đó cũng là quy luật thép của sự phát triển.

• *Đặc điểm thứ năm là sự bảo vệ môi trường sinh thái* được hết sức quan tâm trong nền văn minh thời đại.

Các nền văn minh cổ xưa hầu như chưa đề cập đến việc bảo vệ môi trường sinh thái. Thế nhưng từ thập kỷ 50 của thế kỷ XX lại đây, thế giới đã được cảnh báo, môi trường sinh thái bị phá hủy nghiêm trọng, đưa đến sự biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay. Vì vậy việc bảo vệ môi trường sinh thái được hết sức quan tâm trong nền văn minh hiện đại.

2. Thực trạng khu vực nông thôn tiếp nhận nền văn minh thời đại

Phần trước đã nói, văn minh thời đại được cấu thành bởi nhiều yếu tố. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập tới ba yếu tố căn bản nhất là thị trường, công nghiệp, đô thị với ba nền văn minh tương ứng là nền văn minh thị trường, văn minh công nghiệp, văn minh đô thị.

2.1. Sự tiếp nhận nền văn minh thị trường

Từ năm 1986 đến nay, khu vực nông thôn tiếp nhận nền văn minh thị trường rộng, sâu hơn.

• Về lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp:

Khu vực nông thôn đã tạo ra một khối lượng hàng hóa ngày càng lớn và thích ứng với thị trường hơn. Theo xu hướng chuyên môn hóa, tập trung hóa, tỷ suất hàng hóa ngày càng cao hơn và tập trung vào một số vùng nhất định với quy mô lớn, bên cạnh những vùng có quy mô vừa và nhỏ, phân tán của nông dân. Chẳng hạn như, ngành sản xuất lúa với 7,3 triệu ha lúa cả năm đã tập trung vào Đồng bằng sông Cửu Long với 52% về diện tích 53,70% về sản lượng với tỷ suất hàng hóa trên dưới 85%. Sau 20 năm (1989 – 2008) cả nước xuất khẩu trên 63 triệu tấn gạo, trong đó Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 60 triệu tấn, bằng 95%. Việt Nam nhiều năm trở thành nước xuất khẩu gạo thứ hai trên thế giới. Ngành cao su với 480.000 ha tập trung 70,5% diện tích vào Đông Nam Bộ. Hàng năm xuất khẩu 662.000 tấn chiếm 94,5% tổng sản lượng cao su cả nước. Ngành cà phê với 491.000 ha tập trung 95,7% diện tích vào Tây Nguyên. Hàng năm xuất khẩu 750.000 tấn bằng 93,7% sản lượng cả nước. Việt Nam là nước xuất cà phê đứng thứ 3 trên thế giới. Ngành sản xuất chè với 120.000 ha tập trung 58% diện tích vào vùng Đông Bắc, hàng năm xuất khẩu 44.000 tấn bằng 57,7% sản lượng chè cả nước. Ngành trồng rừng nguyên liệu với 184.000 ha tập trung 30% vào vùng Đông Bắc, hình thành một vùng nguyên liệu giấy với 40.000 ha chỉ trong 5 tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang, Hà Giang, Lào Cai. Ngành nuôi trồng thủy sản với 950.000 ha, tập trung

71% diện tích và 68,9% sản lượng vào Đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó sản lượng cá nuôi 628.188 tấn bằng 67,3% và tôm nuôi 270.652 tấn bằng 81% của cả nước².

Năm 2008, hàng thủy sản xuất khẩu sang 145 nước và vùng lãnh thổ với kim ngạch 4,5 tỷ USD. Việt Nam đứng trong nhóm 10 nước xuất khẩu thủy sản lớn nhất thế giới.

Các ngành sản xuất cây con khác cũng diễn ra tương tự.

Khối lượng hàng hóa nông, lâm, ngư đưa ra khỏi nông thôn ngày càng nhiều với tỷ suất hàng hóa ngày càng cao. Chẳng hạn, tỷ suất hàng hóa ngành sản xuất lương thực năm 1986 chỉ đạt 26%, hiện nay trên 60%. Tỷ suất hàng hóa các loại cây công nghiệp dài ngày đạt từ 80 – 100%, các loại cây công nghiệp ngắn ngày trên dưới 50%. Ngành bò sữa, chăn nuôi lợn, gà công nghiệp – 100%, nuôi tôm, cá xuất khẩu – 100% đồ gỗ mỹ nghệ - 100%, nguyên liệu giấy 100% v.v..

Chất lượng của sản phẩm, nông, lâm, ngư hàng hóa được nâng cao đạt yêu cầu thị trường trong nước và thị trường thế giới, ngay cả những thị trường đề ra tiêu chuẩn cao như các nước Châu Âu, Nhật, Mỹ v.v...

Một số sản phẩm đã có thương hiệu như: Bưởi Năm Dơi, Chè Tân Cương, Hành tỏi Lý Sơn, Nước mắm Phú Quốc, Cá ba sa Việt Nam.

Như vậy, khu vực nông thôn về nông, lâm, thủy sản đã tiếp nhận nền văn minh thị trường theo ba hướng khối lượng nông sản phẩm hàng hóa ngày càng nhiều, chủng loại ngày càng đa dạng, chất lượng ngày càng cao thích ứng với thị trường trong nước và ngoài nước.

• Về lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp trong khu vực nông thôn:

Từ năm 1986 đến nay ngành tiểu thủ công nghiệp nông thôn hồi phục và từng bước phát triển theo hướng nền kinh tế thị trường hiện đại. Nhiều ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đã đạt được giá trị hàng hóa lớn. Ở một số làng

2. Niên giám thống kê 2005. Nxb Thống kê, Hà Nội, 2005.

nghề, doanh thu từ nghề truyền thống đạt tới nhiều tỷ đồng. Làng dệt lụa Vạn Phúc (Hà Tây) năm 2002, sản xuất và bán ra 2,5 triệu mét lụa, giá trị hàng hóa đạt 125,5 tỷ đồng. Làng giấy Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Tây mỗi năm xuất ra 3,2 – 4 triệu đôi giày. Làng thêu Mỹ Lăng (Thư Trì - Thái Bình) hàng năm bán ra 8 tỷ đồng về sản phẩm thêu. Làng nghề gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ (Hà Bắc) đạt doanh thu 50 tỷ đồng v.v...

Sản phẩm hàng hóa của ngành nghề tiểu thủ công nghiệp năm 2002 xuất khẩu đạt 300 triệu USD.

Tiểu thủ công nghiệp của Hà Tây buôn bán với 20 nước trong khu vực và thế giới: Đức, Pháp, Canada, Thụy Điển, Nga, Ukraina, Hunggari v.v... năm 2000 đạt 9 triệu USD. Ngành gốm sứ xuất khẩu sang Hồng Kông, Đài Loan và nhiều nước trên thế giới đạt 255 triệu USD trong năm 2005. Hàng lá, cối, mây, tre đan xuất khẩu sang các nước Slovakia, Ba Lan, Đức, Pháp, Hoa Kỳ v.v... với 180 triệu USD³.

Thị trường ở các làng nghề thủ công, đặc biệt ở những nơi có quy mô sản xuất lớn rất sôi động, kẻ mua người bán nhộn nhịp.

• *Về dịch vụ:* trong khu vực nông thôn hiện nay đã xuất hiện nhiều loại hàng hóa dịch vụ như: du lịch, tư vấn khoa học công nghệ, thông tin bưu điện, điện, môi trường, y tế, vận chuyển nước sạch cho sản xuất và sinh hoạt, vệ sinh môi trường v.v... Nhìn chung, ngành dịch vụ mới bắt đầu, hàng hóa dịch vụ còn nhỏ bé về khối lượng, nghèo nàn về chủng loại, thấp kém về chất lượng.

• *Về lao động:* thị trường lao động nông thôn đã chuyển biến mạnh theo hướng di chuyển khỏi thị trường nông thôn đến các thành phố lớn, các khu công nghiệp chế xuất v.v... và cả đến các nước ngoài để tham gia các hoạt động phi nông nghiệp thường xuyên hoặc thời vụ với số lượng hàng triệu người. Trong nội bộ nông thôn xuất hiện lao động làm thuê tại chỗ, hoặc đến các vùng nông thôn thiếu sức lao động khác thường xuyên hay thời vụ như ở Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, ở các làng nghề và các trang trại. Tình di động dân cư lớn.

• *Về bất động sản:*

Thị trường bất động sản chủ yếu là đất đai, hình thành tương đối mạnh ở các vùng nông thôn ven đô, quốc lộ, ở một số vùng nông nghiệp hàng hóa lớn, ở các thị trấn, thị tứ, trung tâm xã v.v..., còn ở các vùng khác thị trường đất ở và đất nông nghiệp diễn ra rất yếu ớt.

Sự giao lưu hàng hóa giữa nông thôn và thành thị, giữa miền xuôi và miền núi và ở vùng biên giới phát triển hơn trước. Hệ thống chợ phiên, chợ làng, chợ huyện mở rộng, các cửa hàng, quầy hàng nhỏ đã xuất hiện ngay trong thôn xóm v.v... Thương nhân mang hàng bán và mua hàng đến tận thôn xóm và đến từng nhà.

Các trung tâm giao dịch hàng hóa lớn trong nông thôn xuất hiện như: các nhà máy, doanh nghiệp, các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản v.v...

Các hình thức giao lưu hàng hóa trong nông thôn chủ yếu là thuận mua vừa bán tự do trên thị trường hoặc thông qua hình thức hợp đồng kinh tế v.v...

Nói tóm lại, nông thôn đã tiếp nhận nền văn minh thị trường ở mức độ nhất định, một số cư dân nông thôn đã có tư duy kinh tế, biết buôn bán, biết tính toán hiệu quả, thái độ cởi mở, tiếp nhận, nhạy bén thích ứng, tự tin, nhưng vì thiếu thông tin thị trường, trình độ tiếp thị kém nên dễ bị rủi ro. Tuy vậy, quá trình tiếp nhận nền văn minh thị trường hiện đại từ khu vực nông thôn cũng chịu sự tác động của những tiêu cực của nền kinh tế thị trường như lừa đảo, chèn ép v.v... gây tác hại không nhỏ. Đến lượt mình, một số nông dân sản xuất hàng hóa cũng bắt đầu chạy theo lợi nhuận lừa đảo, dối trá đối với người đô thị.

2.2. Sự tiếp nhận nền văn minh công nghiệp

Quá trình tiếp nhận nền văn minh công nghiệp của khu vực nông thôn trong thời kỳ đổi mới và mở cửa được biểu hiện cụ thể trong các mặt sau:

3. Niên giám thống kê 2005 – Nxb Thống kê, Hà Nội, 2005.

• Về mặt kỹ thuật và công nghệ:

Khu vực nông thôn tiếp thu được những kỹ thuật, những trang thiết bị, những sản phẩm công nghệ đầu vào cho sản xuất và các công nghệ mới với tốc độ nhanh hơn trước.

Trong sản xuất nông nghiệp, một số lượng nhỏ máy móc, điện năng và một khối lượng lớn phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh do ngành trồng trọt và chăn nuôi, thuốc diệt cỏ, thức ăn gia súc được sản xuất trong nước hoặc từ nước ngoài v.v... đã được sử dụng rộng rãi, ngày càng nhiều những thành tựu khoa học công nghệ sinh học được tiếp nhận phổ biến nhất, mang tính quần chúng rộng rãi nhất, bao gồm các giống cây trồng và gia súc có năng suất, chất lượng cao. Các giống lúa lai đã được gieo trồng trên 20% diện tích lúa cả nước, Các giống ngô lai được gieo trồng trong 31 tỉnh. Giống lợn lai theo hướng nạc hóa được nuôi đến 1,5 triệu con. Giống bò sữa lai với năng suất sữa 3600 kg/năm cũng được nuôi ở nhiều tỉnh, thành phố v.v... Phương pháp sinh học bảo vệ thực vật IPM được nông dân sử dụng rộng rãi các kỹ thuật mới, các trang thiết bị hiện đại, công nghệ hiện đại cũng được áp dụng trong ngành trồng rừng, thủy sản và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông lâm thủy sản với trình độ cao và hiện đại.

Công cuộc điện khí hóa được nông thôn tiếp nhận nhanh và mạnh hơn nhiều so với công cuộc cơ giới hóa. Năm 2001 đã có 66% số xã, 74% số thôn và 63% số hộ trong cả nước đã sử dụng điện. Gần 80% công trình thủy lợi và hầu hết các cơ sở công nghiệp lớn, các làng nghề ngành nghề thủ công đều được sử dụng điện. Các sản phẩm công nghiệp phục vụ sinh hoạt cũng được sử dụng.

• Về phát triển công nghiệp nông thôn:

+ Phát triển công nghiệp nông thôn được tiến hành theo các hướng:

- Phát triển và đưa các cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản về địa bàn nông thôn, gần với các vùng nguyên liệu. Đến nay đã có hàng trăm nhà máy chế biến nông, lâm, thủy sản có quy mô sản xuất lớn tập trung, trang thiết bị, công nghệ hiện đại được bố trí

trên tất cả các vùng kinh tế - sinh thái của đất nước. Chẳng hạn, cả nước có 25 nhà máy đường hiện đại chế biến 80% sản lượng mía. Nhà máy Đường Bourbon (Tây Ninh) có công suất 10.000 tấn mía/ngày.

Tuy vậy, sản lượng nông, lâm, thủy sản dưới dạng tinh chế mới chiếm 20%, phần lớn là dưới dạng chế biến thô.

Bên cạnh các nhà máy hiện đại, có hàng ngàn cơ sở chế biến nhỏ với trình độ trang bị thấp hoặc thủ công mọc lên khắp vùng nông thôn.

+ Khôi phục và phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề truyền thống và các làng nghề mới. Theo điều tra năm 2001, cả nước có đến 140 ngành nghề truyền thống, 1480 làng nghề với 2 triệu lao động. Số hộ tham gia sản xuất trong các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp đạt 5,8% tổng số hộ trong nông thôn. Theo thông tin mới nhất, hiện nay cả nước có 2000 làng nghề, 1000 doanh nghiệp làng nghề với 5 triệu lao động.

Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề đã từng bước đi lên hiện đại. Các trang thiết bị, các công nghệ hiện đại được áp dụng. Chẳng hạn, các máy xé gỗ đã đưa vào làng nghề gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ (Tiên Sơn - Hà Bắc) các lò nung gốm bằng điện, bằng khí đốt ở làng gốm Bát Tràng, các máy cưa, máy khoan, máy cắt, bào mài, bế điện, búa hơi 50 - 100 kg đã được sử dụng ở làng rèn Hoè Thi (Xuân Phương, Từ Liêm - Hà Nội) v.v...

Ở một số nơi, không gian hoạt động của các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề có xu hướng mở rộng sang địa bàn lân cận hình thành vùng làng nghề - như ngành gốm sứ Bát Tràng đã mở rộng sang xã Kim Lan, Văn Đức, Đông Dư, Đa Tốn.

Một số địa phương đã tổ chức các tiểu khu tiểu thủ công nghiệp - như Tiên Sơn (Bắc Ninh) An Khánh (Hà Nội) để tạo thuận lợi cho phát triển, tránh ô nhiễm môi trường.

Một vài nơi đã diễn ra hiện tượng mới là trên các địa bàn có làng nghề phát triển hình thành các nhà máy, các xí nghiệp công nghiệp hiện đại. Chẳng hạn, trong vùng gốm sứ Bát Tràng, bên cạnh 300 lò hộp, 7 lò ga nung của

855 hộ gia đình, đã có 1 doanh nghiệp nhà nước, 2 doanh nghiệp của quân đội, 12 doanh nghiệp tư nhân, 6 trung tâm, hợp tác xã, tổ hợp tác xã tham gia sản xuất gốm sứ. Như vậy, trên cơ sở làng nghề phát triển, có thể hình thành các khu công nghiệp thích hợp giữa nông thôn.

• *Về tổ chức sản xuất kinh doanh theo kiểu công nghiệp:*

Trong khu vực nông thôn hiện nay, các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh theo kiểu công nghiệp đã xuất hiện bên cạnh các hình thức tổ chức sản xuất hộ gia đình theo truyền thống. Hiện nay, trong ngành sản xuất, nông, lâm, ngư nghiệp có đến 2500 công ty trong đó có 597 nông trường, 318 lâm trường đã chuyển lên hình thức công ty. Hình thành các Tổng công ty cao su, chè, cà phê, lâm nghiệp, thủy sản v.v... 9540 hợp tác xã kiểu mới và 60578 trang trại nông, lâm, ngư nghiệp và hàng ngàn cơ sở xí nghiệp chăn nuôi theo kiểu công nghiệp v.v...

Trong các công nghiệp chế biến, các ngành thủ công nghiệp và dịch vụ cũng hình thành tổ chức sản xuất kinh doanh hiện đại công nghiệp, với các hình thức nhà máy hiện đại, các doanh nghiệp, các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, các hợp tác xã v.v...

Một điều đáng lưu ý, tính liên kết giữa các đơn vị sản xuất kinh doanh đã xuất hiện trên địa bàn nông thôn và ngoài địa bàn nông thôn thậm chí với nước ngoài.

• *Về lối sống công nghiệp:*

Lối sống công nghiệp đã được hình thành. Việc tư duy và tổ chức theo phương pháp khoa học, nghiêm túc tuân thủ các quy trình công nghệ, tôn trọng kỷ luật lao động học hỏi, nâng cao trình độ kỹ thuật v.v... đã xuất hiện.

Qua sự trình bày trên, chúng ta thấy sự tiếp nhận nền văn minh công nghiệp của khu vực nông thôn bằng cách kết hợp truyền thống với hiện đại đã bước đầu thúc đẩy nông thôn phát triển theo hướng văn minh thời đại. Tuy vậy, quá trình tiếp nhận nền văn minh công nghiệp cũng đã phạm những sai lầm - như gây ô nhiễm môi trường sinh thái, ô nhiễm tài nguyên đất đai nông nghiệp, tài nguyên nước

phá hủy cảnh quan di sản văn hóa - lịch sử, gây tác hại cho sản xuất và đời sống vật chất, tinh thần dân cư nông thôn.

2.3. Sự tiếp nhận nền văn minh đô thị

Công cuộc đổi mới kinh tế, mở cửa và hội nhập từ năm 1986 đến nay đã mở ra một thời kỳ mới cho công cuộc đô thị hóa đất nước với tốc độ cao. Dân số thành thị đã chiếm tỷ lệ 19% trong năm 1985 tăng lên 20% trong năm 1990, 20,5% trong năm 1995, 23,7% trong năm 2000 và 26,97% trong năm 2005 so với tổng dân số của cả nước. Đến nay, cả nước có đến 676 đô thị kể từ cấp thị trấn trở lên, trong đó có 2 đô thị loại 1 (Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) 11 đô thị loại 2, 13 đô thị loại 3, 60 đô thị loại 4 và 560 đô thị loại 5.

Đô thị loại 4 (các thị xã) và loại 5 (thị trấn) gần gũi và nằm giữa khu vực nông thôn. Khu vực nông thôn tiếp nhận nền văn minh đô thị, theo các khía cạnh sau đây:

• *Phi nông nghiệp hóa:*

Các hoạt động của cư dân nông thôn đã phi nông nghiệp hóa và ngày càng tăng lên. Theo điều tra nông thôn nông nghiệp thủy sản trong năm 1999, thì vào năm 1994, số hộ chuyên ngành nghề (thủ công nghiệp và dịch vụ) chiếm 11,2%, năm 1999 chiếm 17,6% so với tổng số hộ trong nông thôn. Hiện nay, tỷ lệ này chiếm 26%. Ở các địa bàn nông thôn có làng nghề, việc phi nông nghiệp hóa diễn ra mạnh mẽ và đạt trình độ cao. Chẳng hạn ở Hợp tác xã Duy Sơn II, (Duy Xuyên, Quảng Nam) tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 40%, ở làng giày Phú Yên (Phú Xuyên - Hà Nội) đạt 90%. ở làng may Cổ Nhuế (Từ Liêm - Hà Nội) đạt 70%. Ở làng nghề lớn Bát Tràng (Gia Lâm) Đồng Kỵ (Tiên Sơn - Bắc Ninh), Vạn Phúc (Hà Nội) đạt gần 100%.

Ngoài ra một phần dân cư nông thôn đã thực hiện công cuộc phi nông nghiệp hóa, bằng cách thoát ly địa bàn nông thôn vĩnh viễn hoặc thời vụ ra các đô thị lớn và nước ngoài làm ăn lên đến hàng triệu người.

Nhìn chung cuộc phi nông nghiệp hóa trong chừng mực nhất định đã nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao kiến thức kỹ thuật, nâng cao dân trí, kiến

thức tổ chức quản lý của khu vực nông thôn.

• *Tổ chức điểm dân cư theo kiểu đô thị:*

Trong khu vực nông thôn đến nay hình thành những điểm dân cư kiểu đô thị có quy mô nhỏ ở khắp nơi, chúng được mang tên thị tứ, khu trung tâm xã, khu trung tâm cụm xã (ở miền núi), thị trấn.. Những thị trấn được chuyển lên thị xã, thị xã lên thành phố đang diễn ra khắp nơi với nhịp độ khác nhau.

• *Tiếp thu lối sống đô thị:*

+ Về sản xuất kinh doanh: khu vực nông thôn đã tiếp thu cách suy nghĩ, cách làm ăn và những giá trị phi vật chất của đô thị, bao gồm trí tuệ kinh doanh, kiến thức tổ chức quản lý kinh doanh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của cư dân đô thị.

+ Về sinh hoạt: khu vực nông thôn cũng tiếp thu những giá trị của văn minh đô thị trong cách ăn, ở, mặc, đi lại, vui chơi giải trí... Cụ thể như đã sử dụng một số đồ ăn, thức uống, kiến trúc nhà ở, thời trang, trò chơi điện tử, cũng như học cách sử dụng các tiện nghi sinh hoạt vốn có ở đô thị trong đời sống hàng ngày.

Những điều nêu trên thấy khắp nơi, đặc biệt rõ nét ở các vùng nông thôn có kinh tế phát triển. Ví dụ như làng Kiều Kỳ (Gia Lâm) có nghề dát vàng quý và nghề làm da. Nhà nào cũng có từ 2 – 5 máy khâu, làm việc từ sáng đến tối, trên đường làng, ô tô, xe lam, xe máy đi lại như con thoi. Các hộ gia đình làm từ sang đến tối. Các hộ gia đình có nhà mặt đường mở dịch vụ sửa chữa xe máy, may đo, ăn uống, buôn bán, cửa hàng bách hóa... Trong làng những ngôi nhà 2-3 tầng kiểu mới mọc lên, 80% gia đình đã sắm đủ nội thất phương tiện sinh hoạt vui chơi, giải trí như ti vi, đầu video, tủ lạnh, điện thoại, xe máy... Điện thoại sang trong nhà, ngoài đường ngõ. Làng Kiều Kỳ bây giờ như một đô thị nhỏ. Người dân Kiều Kỳ và các làng lân cận muốn mua sắm thứ gì cũng sẵn, không phải cất công ra thành phố như trước nữa.

Những ví dụ tương tự còn nhiều. Nhìn chung lại, khu vực nông thôn tiếp nhận nền văn minh đô thị trên nhiều mặt: kinh tế, xã

hội; văn hóa nông thôn gắn chặt với việc bảo vệ truyền thống. Tuy vậy cũng còn nhiều bất cập. Nét nổi bật nhất là ô nhiễm môi trường sinh thái, tệ nạn xã hội xuất hiện. Kiến trúc truyền thống bị vi phạm, cuộc sống thanh bình, chất phác của nông thôn bị suy giảm... Nhưng, cần khẳng định là nông thôn tiếp nhận văn minh đô thị là một xu hướng tất yếu và là sự mong muốn từng bước rút ngắn chênh lệch giữa thành thị và nông thôn.

3. Nhận định và kiến nghị

3.1. Nhận định về khu vực nông thôn tiếp nhận văn minh thời đại

• *Nhận định chung:*

Qua sự trình bày về thực trạng trên, chúng ta thấy việc nông thôn tiếp nhận nền văn minh thời đại là nhu cầu tất yếu của sự phát triển nông thôn và là một xu thế có tính quy luật của việc chuyển nông thôn truyền thống lên nông thôn hiện đại, bằng cách kết hợp chặt chẽ truyền thống với văn minh thời đại với những bước đi thích hợp.

Tác dụng của việc tiếp nhận văn minh thời đại đã bước đầu chuyển nông thôn truyền thống lên nông thôn hiện đại, đã góp phần phát triển kinh tế xã hội nông thôn theo hướng thị trường hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, chủ động hội nhập theo xu thế toàn cầu hóa. Tuy vậy việc tiếp nhận nền văn minh thời đại của khu vực nông thôn còn nhiều chỗ yếu kém như: không đồng đều giữa các vùng trong nước; không đồng đều giữa các tầng lớp dân cư nông thôn; những mặt trái của kinh tế thị trường, của công nghiệp hóa, đô thị hóa gây tác hại nhất định cho kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa cho cộng đồng cư dân nông thôn.

• *Nhận định về thái độ tiếp nhận:*

Văn minh thời đại gắn liền với sự phát triển. Từng cá nhân cũng như cộng đồng nông thôn đều hướng đến sự phát triển. Vì vậy khu vực nông thôn sẵn sàng tiếp nhận nền văn minh thời đại. Tuy vậy, tùy lúc, tùy nơi, tùy việc, tùy nội dung mà có những thái độ khác nhau, có những thái độ tiếp thu cụ thể: hồ hởi, rộng mở, nhiệt tình đón chờ; dè dặt, cân nhắc; miễn cưỡng, bắt đắc dĩ; không thiện chí, từ

chối, phản đối. Như vậy, việc khu vực nông thôn tiếp nhận nền văn minh thời đại là vấn đề rất nhạy cảm.

• **Nhận định về cách thức tiếp thu:**

Qua thực tiễn, chúng tôi thấy khu vực nông thôn tiếp nhận nền văn minh thời đại bằng nhiều cách khác nhau phù hợp với điều kiện cụ thể với từng lúc, từng nơi. Thông thường có những cách thức: tiếp nhận từng bước; tiếp nhận nhảy vọt; tiếp nhận thử nghiệm; tiếp nhận trên cơ sở truyền thống kết hợp hiện đại; tiếp nhận bằng nội lực bản thân, hoặc bằng ngoại lực, hoặc kết hợp cả nội lực với ngoại lực.

• **Nhận định về những nguyên tắc tiếp nhận:**

Qua khảo sát khu vực nông thôn tiếp nhận nền văn minh thời đại theo những nguyên tắc: không được áp đặt và nóng vội; phải kết hợp nhuần nhuyễn nền văn minh thời đại phù hợp với truyền thống của nông thôn; tiếp nhận nền văn minh thời đại của nông thôn phải có những điều kiện vật chất và tinh thần tương ứng.

3.2. Kiến nghị

Để khu vực nông thôn tiếp nhận nền văn minh thời đại nhanh, mạnh, rộng khắp hiệu quả và bền vững, chúng tôi xin kiến nghị:

• **Đối với khu vực nông thôn:**

Khu vực nông thôn phải nỗ lực bản thân vươn lên, có khát vọng hướng tới tầm cao của văn minh thời đại tạo ra những khả năng mới, những điều kiện mới cần thiết cho việc tiếp nhận hữu hiệu nền văn minh thời đại.

Cụ thể, khu vực nông thôn phải cố gắng đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế hướng theo nền kinh tế thị trường hiện đại.

- Học tập bằng mọi cách để nâng cao dân trí, nâng cao kiến thức về mọi mặt kỹ thuật, công nghệ, tổ chức, quản lý v.v...

- Nâng cao ý chí tiến thủ, khát vọng cạnh tranh, tự lực, tự cường.

- Phát huy tinh hoa truyền thống, đề phòng khắc phục, chống lại những tiêu cực tạo ra cho nông thôn về kinh tế, xã hội, môi trường sinh thái, văn hóa.

• **Đối với Nhà nước:**

Nhà nước cần phải thực hiện tích cực vai trò bà đỡ cho khu vực nông thôn tiếp nhận văn minh thời đại nhanh và tốt hơn trong thời gian tới. Cụ thể là Nhà nước cần phải:

- Tạo môi trường thuận lợi cho khu vực nông thôn tiếp nhận nền văn minh thời đại.

- Ban hành hệ thống chính sách thúc đẩy, hỗ trợ khu vực nông thôn tiếp thu hữu hiệu văn minh thời đại, cùng những chính sách hạn chế những hậu quả xấu gây ra cho nông thôn.

• **Đối với cơ quan nghiên cứu khoa học**, tiến hành nghiên cứu, thử nghiệm các mô hình mới, tổng kết và hoàn thiện các mô hình thực tiễn về việc khu vực nông thôn tiếp thu nền văn minh thời đại theo các địa bàn khác nhau.

• **Đối với cơ quan quản lý trực tiếp và hữu quan**, cần thực hiện đồng xuyên việc hướng dẫn, thanh tra và giám sát quá trình khu vực nông thôn tiếp nhận nền văn minh thời đại, hạn chế tối đa và xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực, phản văn minh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arnold Toynbee. A Study of History (Nghiên cứu về lịch sử - một cách thức diễn giải). Nxb Thế giới, H, 2003.
2. Trần Quốc Vương (chủ biên) Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bến, Lâm Mỹ Dung, Trần Thuý Anh: Cơ sở văn hóa Việt Nam. Nxb Giáo dục, H, 2003.
4. Vũ Trọng Khải (Chủ biên) Đỗ Thái Đồng, Phạm Bích Hợp: Phát triển nông thôn Việt Nam từ làng xã truyền thống đến văn minh thời đại. Nxb Nông nghiệp, H, 2004.
5. Nguyễn Hiền Lê, Thiêng Giang: Lịch sử thế giới. Tập I, II, Nxb Văn hóa thông tin, H, 1998.